

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 135/CT-QLDA ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO về việc bổ sung chỉnh sửa báo cáo cấp giấy phép môi trường cho Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, địa chỉ đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, diện tích 426,49 ha” có địa chỉ xã Phước Thiên, xã Phú Hội, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiên, xã Phú Hội, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600257771 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07/6/2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 11/4/2023.

1.4. Mã số thuế: 3600257771.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, các ngành nghề được phép thu hút đầu tư bao gồm: Sản xuất, sửa chữa container, rơ móc; sản xuất, lắp ráp xe máy, ô tô; chế tạo máy móc, thiết bị công cụ; chế tạo và sửa chữa cơ khí, cán thép; sản xuất đồ gỗ gia dụng, vật liệu xây dựng hoặc công nghiệp; sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic (trừ chế biến mủ cao su); sản xuất các sản phẩm nhựa; sản xuất vali túi xách, yên đệm và các loại tương tự; sản xuất hàng mỹ nghệ; sản xuất thủy tinh, gốm sứ và các sản phẩm phi kim loại; sản xuất kim loại và các sản phẩm từ kim loại, sản xuất đồ kim hoàn các chi tiết liên quan; sản xuất dụng cụ thể dục thể thao; sản xuất đồ chơi; sản xuất sử vệ sinh; sản xuất bóng đèn, phích

nước; sản xuất các thiết bị, sản phẩm chữa cháy; sản xuất, chế biến thực phẩm; đồ uống không cồn; kho chứa phân bón; kho chứa hóa chất; kho chứa thuốc bảo vệ thực vật; sản xuất các trang thiết bị điện, điện tử; sản xuất linh kiện điện, điện tử; sản xuất điện tử, máy vi tính, sản phẩm quang học; sản xuất bê tông nhựa nóng; gạch men; dệt, sợi; may quần áo; may giày; sản xuất văn phòng phẩm; sản xuất bao bì giấy và các sản phẩm từ giấy; sản xuất bao bì carton, sản xuất nhôm định hình, sản xuất dây, cáp điện; sản xuất chế biến gỗ; sản xuất dăm gỗ; sản xuất ván ép; sản xuất dược phẩm, thuốc thú y; sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; sản xuất thuốc lá điếu; chế biến nguyên liệu thuốc lá; sản xuất sấm lớp ô tô các loại; sản xuất mực in, vật liệu ngành in; cơ sở in ấn các loại; cơ sở sản xuất khí CO<sub>2</sub>, chiết nạp hóa lỏng, khí công nghiệp; cơ sở kinh doanh, chiết xuất, đóng gói dầu nhớt, dầu nhờn; cửa hàng kinh doanh xăng, dầu (DO); sản xuất ắc quy, pin; sản xuất hơi nước, sửa chữa và bảo dưỡng nồi hơi; sản xuất giày, dép và các phụ kiện; sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; in, sao chép bản ghi các loại; cho thuê kho bãi, nhà xưởng xây sẵn; sản xuất điện mặt trời (hệ thống điện mặt trời mái nhà).

#### 1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: 426,49 ha.

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày ..... tháng ..... năm 2023 đến ngày ..... tháng ..... năm 2030).

Các giấy phép môi trường thành phần (bao gồm: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1897/GP-BTNMT ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 16/GXN-TCMT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Tổng cục Môi trường và các giấy phép môi trường thành phần khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO;
- Lưu: VT, KSONMT, G12.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

## **Phụ lục 1**

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải của các cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất thương mại Kim Phong và khu nhà ở công nhân khu công nghiệp.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam và Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Thái Phong tại Đồng Nai.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động từ khu xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động từ Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ.
- Nguồn số 06: Nước thải từ khu vực văn phòng.

##### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

###### **2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Rạch Bà Ký rồi chảy ra sông Thị Vải tại xã Long Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

###### **2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Xã Long Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1186200; Y = 413810.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)*

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra giám sát xả thải.

###### **2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (24 giờ).**

###### **2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

Nước thải sau xử lý thoát ra hệ thống thoát nước ra rạch Bà Ký, sau đó ra sông Thị Vải, hình thức xả mặt, ven bờ.

###### **2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ.**

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B,  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Độ màu	Pt-Co	150		Đã lắp đặt
3	pH	-	5,5-9		Đã lắp đặt
4	TSS	mg/L	81		Đã lắp đặt
5	COD	mg/L	121,5		Đã lắp đặt
6	Amoni (tính theo Nito)	mg/L	8,1		Đã lắp đặt
7	BOD <sub>5</sub>	mg/L	40,5		-
8	Clo dư	mg/L	1,62		-
9	Tổng Nito	mg/L	32,4		-
10	Tổng Photpho	mg/L	4,86		-
11	Sunfua	mg/L	0,405		-
12	Florua	mg/L	8,1		-
13	Sắt	mg/L	4,05		-
14	Mangan	mg/L	0,81		-
15	Đồng	mg/L	1,62		-
16	Chì	mg/L	0,405		-
17	Cadimi	mg/L	0,081		-
18	Niken	mg/L	0,405		-
19	Kẽm	mg/L	2,43		-
20	Crom (III)	mg/L	0,81		-
21	Crom (VI)	mg/L	0,081		-
22	Thủy ngân	mg/L	0,008		-
23	Asen	mg/L	0,081		-
24	Tổng xianua	mg/L	0,081		-
25	Tổng phenol	mg/L	0,405		-
26	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	8,1		-
27	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	-	
28	Clorua	mg/L	810	-	
29	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1	-	
30	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0	-	
31	Tổng PCB	mg/L	0,008	01 lần/năm	-
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,081		-
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/L	0,81		-

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

## **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh (nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 và 06) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể lắng cát (muong) → Bể lắng sơ cấp → Bể gom → Mô đun 01 và 02:

+ Mô đun 01: Nước thải sau lắng sơ bộ → Bể điều hòa (T01) → Bể thiếu khí (B04-A/B, B05-A/B) → Bể hiếu khí MBBR (B05-C/D, B06-A/B/C/D) → Bể lắng sinh học (B07-A/B, B11-A/B) → Bể khử trùng (B13).

+ Mô đun 02: Nước thải sau lắng sơ bộ → Bể điều hòa (TK01) → Bể thiếu khí (TK02) → Bể hiếu khí MBBR (TK03-A/B) → Bể trung gian (TK04) → Bể lắng sinh học (TK05) → Bể keo tụ (TK06) → Bể tạo bông (TK07) → Bể lắng hóa lý (TK08) → Bể khử trùng (B13) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 10.000 m<sup>3</sup>/ngày (mô đun 01 công suất thiết kế 6.000 m<sup>3</sup>/ngày, mô đun 02 công suất thiết kế 4.000 m<sup>3</sup>/ngày).

- Hóa chất, nguyên vật liệu sử dụng: Polymer, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Muong quan trắc.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng nước thải (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni, độ màu.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố có dung tích thiết kế 31.190 m<sup>3</sup>.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp lưu lượng về Nhà máy xử lý nước thải tập trung lớn hơn công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: Thiết bị đo lưu lượng đầu vào bể tiếp nhận bật tín hiệu cảnh báo trên máy tính, nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải mở van từ bể thu gom về hồ sự cố để giảm lưu lượng bơm lên hệ thống xử lý. Nước thải được lưu chứa tạm thời tại hồ sự cố và được bơm từ từ lên bể điều hòa của hệ thống xử lý để xử lý.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt ngưỡng tiếp nhận của Nhà máy xử

lý nước thải tập trung, nước thải sẽ được đưa về hồ sự cố để lưu chứa và ổn định nồng độ chất ô nhiễm, sau đó bơm lại hệ thống để xử lý.

- Trường hợp một mô đun xử lý nước thải hoặc một thiết bị bị hỏng, hay gặp sự cố thì mô đun xử lý nước thải và thiết bị còn lại đảm nhận hoạt động trong thời gian sửa chữa. Ngoài ra, trường hợp cả hai mô đun xử lý nước thải bị sự cố ngừng hoạt động cùng lúc, toàn bộ lượng nước thải được đưa về hồ sự cố, chờ khắc phục sự cố và tuần hoàn lại hệ thống để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Trường hợp chất lượng nước đầu ra không đạt yêu cầu, nước thải được đưa về hồ sự cố trong thời gian tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi kiểm tra, khắc phục sự cố, hệ thống xử lý nước thải tập trung đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thì tiến hành bơm nước từ hồ sự cố trở lại hệ thống xử lý nước thải để xử lý lại đến khi chất lượng nước đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

#### 1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	6 - 8
3	Màu sắc (ở pH=7)	Pt-Co	300
4	Mùi	-	Không khó chịu
5	BOD <sub>5</sub>	mgO <sub>2</sub> /l	300
6	COD	mgO <sub>2</sub> /l	500
7	TSS	mg/l	200
8	Tổng Photpho	mg/l	8
9	Tổng nitơ	mg/l	60
10	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	15
11	Xianua	mg/l	0,1
12	Arsen	mg/l	0,1
13	Thủy ngân	mg/l	0,01
14	Cadmi	mg/l	0,01
15	Chì	mg/l	0,5
16	Crom (VI)	mg/l	0,1
17	Crom (III)	mg/l	1
18	Đồng	mg/l	5
19	Kẽm	mg/l	5
20	Mangan	mg/l	5
21	Niken	mg/l	0,5
22	Sắt	mg/l	10
23	Thiếc	mg/l	5
24	Clorua	mg/l	500
25	Florua	mg/l	15
26	Phenol	mg/l	1

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
27	Sulfua	mg/l	1
28	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
29	Hóa chất bảo vệ thực vật: lân hữu cơ	mg/l	1
30	Hóa chất bảo vệ thực vật: clo hữu cơ	mg/l	0,1
31	Tổng PCB	mg/l	0,01
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào,



đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.6. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Cụm máy thổi khí số 01.
- Nguồn số 03: Cụm máy thổi khí số 02.
- Nguồn số 04: Cụm máy thổi khí số 03.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1187694; Y = 410771.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1187687; Y = 410770.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1187635; Y = 410752.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1187614; Y = 410672.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45', múi giờ 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45		Khu vực đặc biệt

**3.2. Độ rung:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55		Khu vực đặc biệt

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Máy thổi khí được đặt trong phòng để giảm thiểu tiếng ồn.
- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kì và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	20
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	60
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	30
5	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	60
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	50
-	<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>		<b>224</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa	472.500
2	Bùn hút hầm cầu, bể tự hoại	1.000
3	Thùng nhựa cứng	1.460
-	<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>	<b>474.960</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng (tấn/năm)</b>
1	Rác thải sinh hoạt	67,72
	<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>	<b>67,72</b>

**1.4. Chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:**

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát khác (như bùn thải...) theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng có nắp đậy, bao bì.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa có diện tích khoảng: 21 m<sup>2</sup> và 520 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lợp mái tôn, tường xây gạch, nền bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa có diện tích khoảng: 6 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lợp mái tôn, tường xây gạch, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thùng có nắp đậy, bao bì.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 841/QĐ-MTg ngày 4/7/1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu công nghiệp I Nhơn Trạch và Quyết định số 2998/QĐ-BTNMT ngày 02/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Đề án BVMT chi tiết về việc điều chỉnh quy hoạch và bổ sung ngành nghề (sản xuất giầy và các phụ kiện; sản xuất có công đoạn in, nhuộm; sản xuất có công đoạn xi mạ; sản xuất linh kiện, thiết bị công nghiệp; sản xuất hóa chất; sản xuất in ấn bao bì giấy, nhựa) trong Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 cấp cho Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, với diện tích là 426,49 ha.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.
4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.
5. Bụi, khí thải từ 01 máy phát điện dự phòng (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, công suất 200 kVA), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện) không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
6. Diện tích cây xanh phải đảm bảo tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.
7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.